

CÔNG TY CỔ PHẦN VRG - BẢO LỘC

**Báo cáo tài chính năm 2012 kết thúc vào
ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán**

CÔNG TY CỔ PHẦN VRG - BẢO LỘC

Địa chỉ: 263 Hoàng Văn Thụ, Phường 1, Tp. Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng

MỤC LỤC

| Nội Dung | Trang |
|--|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 3-4 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN | 5 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN | |
| - Bảng cân đối kế toán | 6-9 |
| - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 10 |
| - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 11 |
| - Thuyết minh báo cáo tài chính | 12-30 |
| - Phụ lục chi tiết giá thành sản xuất | 31 |
| - Phụ lục chi tiết tài sản cố định | 32-34 |



CÔNG TY CỔ PHẦN VRG - BẢO LỘC

Địa chỉ: 263 Hoàng Văn Thụ, Phường 1, Tp. Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần VRG - Bảo Lộc trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính năm 2012 kết thúc vào ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán.

Công ty Cổ Phần VRG - Bảo Lộc được chuyển đổi từ Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B.O.T Thủy Điện Bảo Lộc theo Quyết định số 02/TĐBL/HĐTV-QĐ ngày 15 tháng 01 năm 2008 của Hội đồng thành viên Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B.O.T Thủy Điện Bảo Lộc. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 5800345732 do phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 24/01/2008, thay đổi lần 1 ngày 05/07/2010.

Lĩnh vực kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5800345732 thì lĩnh vực hoạt động của Công ty là: Sản xuất, kinh doanh thủy điện; Xây dựng các công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện. Sản xuất, khai thác vật liệu xây dựng; Chế tạo, lắp đặt cơ khí công trình, kết cấu thép xây dựng; Sửa chữa xe máy thi công. Đào tạo nhân công vận hành nhà máy thủy điện.

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần VRG - Bảo Lộc do các cổ đông là pháp nhân và cá nhân góp vốn. Vốn điều lệ thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2012 là: **260.213.000.000** đồng.

Các sự kiện sau ngày lập Báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị của Công ty

| | Chức vụ |
|-----------------------|------------|
| Ông : Phạm Văn Thành | Chủ tịch |
| Ông : Hoàng Đình Trí | Thành viên |
| Ông : Nguyễn Văn Anh | Thành viên |
| Ông : Lê Quang Trương | Thành viên |
| Ông : Nguyễn Văn Thạc | Thành viên |

Ban Giám Đốc

| | |
|-----------------------|-------------------|
| Ông : Nguyễn Văn Phan | Tổng Giám Đốc |
| Ông : Nguyễn Lập | Phó tổng Giám Đốc |

Ban Kiểm Soát

| | |
|----------------------|----------------------|
| Ông : Hồ Mộng Vân | Trưởng Ban Kiểm Soát |
| Ông : Hồ Hữu Nghĩa | Thành viên |
| Ông : Triệu Kim Thủy | Thành viên |

Kế toán trưởng: Ông : Nguyễn Văn Cường

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam(AASCS) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2012. Trong quá trình



CÔNG TY CỔ PHẦN VRG - BẢO LỘC

Địa chỉ: 263 Hoàng Văn Thụ, Phường 1, Tp. Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng

lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở thực hiện đầy đủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Việc lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục;

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và bảo đảm rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Bảo Lộc, ngày 01 tháng 03 năm 2013

TM. BAN GIÁM ĐỐC *Cuong*
TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Phan



Số...84.....BCKT/TCTp. HCM, ngày 07 tháng 3 năm 2013**BÁO CÁO KIỂM TOÁN****Về Báo cáo tài chính năm 2012 của Công Ty Cổ Phần VRG - Bảo Lộc****Kính gửi: - Hội Đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần VRG - Bảo Lộc**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính năm 2012 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2012 và Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012 của Công ty Cổ phần VRG – Bảo Lộc được trình bày từ trang 6 đến trang 30 kèm theo

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến nhận xét về báo cáo tài chính căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện tiến hành một số thủ tục kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán
và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)****Tổng Giám Đốc**

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
DỊCH VỤ TƯ VẤN
TÀI CHÍNH KẾ TOÁN
VÀ KIỂM TOÁN
PHÍA NAM

ĐỖ KHẮC THANH
Chứng chỉ KTV số: Đ 0064/KTV**Kiểm toán viên**
LÊ VĂN THẮNG
Chứng chỉ KTV số: 0974/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN VRG-BẢO LỘC

Địa chỉ: Số 263 Đường Hoàng Văn Thụ, Tp. Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A | TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 24.446.268.372 | 18.095.948.108 |
| I. | Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | 6.126.693.964 | 83.522.209 |
| 1 | Tiền | 111 | V.01 | 6.126.693.964 | 83.522.209 |
| 2 | Các khoản tương đương tiền | 112 | | | |
| II. | Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| 1 | Đầu tư ngắn hạn | 121 | | | |
| 2 | Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*) | 129 | | | |
| III. | Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 17.011.033.240 | 17.053.729.537 |
| 1 | Phải thu khách hàng | 131 | V.02 | 11.094.604.730 | 12.616.196.340 |
| 2 | Trả trước cho người bán | 132 | V.03 | 2.367.459.817 | 1.522.691.817 |
| 3 | Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | | |
| 4 | Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | | |
| 5 | Các khoản phải thu khác | 135 | V.04 | 3.548.968.693 | 2.914.841.380 |
| 6 | Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*) | 139 | | | |
| IV. | Hàng tồn kho | 140 | V.05 | 600.249.417 | 306.742.529 |
| 1 | Hàng tồn kho | 141 | | 600.249.417 | 306.742.529 |
| 2 | Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | 149 | | | |
| V. | Tài sản ngắn hạn khác | 150 | V.06 | 708.291.751 | 651.953.833 |
| 1 | Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 396.416.371 | 174.287.023 |
| 2 | Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 2.145.120 | |
| 3 | Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | | | |
| 5 | Tài sản ngắn hạn khác | 158 | | 309.730.260 | 477.666.810 |
| B | TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 526.520.310.803 | 548.156.087.764 |
| I. | Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1 | Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | | |
| 2 | Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 212 | | | |
| 3 | Phải thu dài hạn nội bộ | 213 | | | |
| 4 | Phải thu dài hạn khác | 218 | | | |
| 5 | Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*) | 219 | | | |
| II. | Tài sản cố định | 220 | | 523.721.085.358 | 543.615.464.489 |
| 1 | Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.07 | 521.774.375.662 | 542.070.758.247 |
| - | - Nguyên giá | 222 | | 591.822.374.273 | 588.431.937.826 |
| - | - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 223 | | (70.047.998.611) | (46.361.179.579) |
| 2 | Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - | - Nguyên giá | 225 | | | |
| - | - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 226 | | | |

CÔNG TY CỔ PHẦN VRG-BẢO LỘC

Địa chỉ: Số 263 Đường Hoàng Văn Thụ, Tp. Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--------------------------|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| 3 | Tài sản cố định vô hình | 227 | | - | - |
| | - Nguyên giá | 228 | | | |
| | - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 229 | | | |
| 4 | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | V.08 | 1.946.709.696 | 1.544.706.242 |
| III. | Bất động sản đầu tư | 240 | | - | - |
| | - Nguyên giá | 241 | | | |
| | - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 242 | | | |
| IV. | Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| 1 | Đầu tư vào công ty con | 251 | | | |
| 2 | Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | | | |
| 3 | Đầu tư dài hạn khác | 258 | | | |
| 4 | Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*) | 259 | | | |
| V. | Tài sản dài hạn khác | 260 | | 2.799.225.445 | 4.540.623.275 |
| 1 | Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.09 | 2.799.225.445 | 4.540.623.275 |
| 2 | Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | | |
| 3 | Tài sản dài hạn khác | 268 | | | |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 270 | | 550.966.579.175 | 566.252.035.872 |



CÔNG TY CỔ PHẦN VRG-BẢO LỘC

Địa chỉ: Số 263 Đường Hoàng Văn Thụ, Tp. Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng

Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN | | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------------|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A | NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 254.977.282.192 | 302.354.121.610 |
| I. | Nợ ngắn hạn | 310 | | 63.993.024.859 | 73.369.864.277 |
| 1 | Vay và nợ ngắn hạn | 311 | V.10 | 47.936.813.000 | 42.222.028.000 |
| 2 | Phải trả người bán | 312 | V.11 | 457.939.055 | 1.581.774.221 |
| 3 | Người mua trả tiền trước | 313 | | | |
| 4 | Thuế và các khoản phải nộp cho nhà nước | 314 | V.12 | 639.033.226 | 3.172.486.496 |
| 5 | Phải trả người lao động | 315 | | 3.047.760.000 | 4.270.725.000 |
| 6 | Chi phí phải trả | 316 | | 13.125.000 | 8.984.302.439 |
| 7 | Phải trả nội bộ | 317 | | | |
| 8 | Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 318 | | | |
| 9 | Các khoản phải trả, phải nộp khác | 319 | V.13 | 12.942.329.742 | 14.336.753.285 |
| 10 | Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 | | | |
| 11 | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | | (1.043.975.164) | (1.198.205.164) |
| II. | Nợ dài hạn | 330 | | 190.984.257.333 | 228.984.257.333 |
| 1 | Phải trả dài hạn người bán | 331 | | | |
| 2 | Phải trả dài hạn nội bộ | 332 | | | |
| 3 | Phải trả dài hạn khác | 333 | | | |
| 4 | Vay và nợ dài hạn | 334 | V.14 | 190.984.257.333 | 228.984.257.333 |
| 5 | Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 335 | | | |
| 6 | Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | | | |
| 7 | Dự phòng phải trả dài hạn | 337 | | | |
| 8 | Doanh thu chưa thực hiện | 338 | | | |
| 9 | Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 339 | | | |
| B | VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 295.989.296.983 | 263.897.914.262 |
| I. | Vốn chủ sở hữu | 410 | V.15 | 295.989.296.983 | 263.897.914.262 |
| 1 | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 260.213.000.000 | 250.983.000.000 |
| 2 | Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 230.000.000 | 230.000.000 |
| 3 | Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | | | |
| 4 | Cổ phiếu quỹ | 414 | | | |
| 5 | Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 415 | | | |
| 6 | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 | | | 157.783.458 |
| 7 | Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | 511.250.000 | |
| 8 | Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | 204.500.000 | |
| 9 | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | | | |
| 10 | Lợi nhuận chưa phân phối | 420 | | 34.830.546.983 | 12.527.130.804 |
| 11 | Nguồn vốn đầu tư XDCB | 421 | | | |
| 12 | Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 422 | | | |
| II. | Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1 | Nguồn kinh phí | 432 | | | |
| 2 | Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 433 | | | |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 440 | | 550.966.579.175 | 566.252.035.872 |



CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-------|-------------|-------------|------------|
| 1. Tài sản thuê ngoài | | | | |
| 2. Vật tư, hàng hoá nhận gửi hộ, nhận gia công | | | | |
| 3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi | | | | |
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý | | | | |
| 5. Ngoại tệ các loại (USD) | | | 8,49 | 8,49 |
| 6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án | | | | |

Lập, ngày 01 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu

[Signature]
Nguyễn Đức Anh

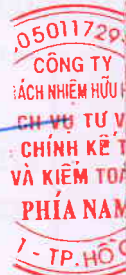
Kế toán trưởng

[Signature]

Tổng Giám Đốc



[Signature]
Nguyễn Văn Phan



CÔNG TY CỔ PHẦN VRG-BẢO LỘC

Địa chỉ: Số 263 Đường Hoàng Văn Thụ, Tp. Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

| TT | Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Năm 2012 | Năm 2011 |
|----|---|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| 1 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.16 | 122.555.366.800 | 111.813.816.550 |
| 2 | Các khoản giảm trừ | 02 | VI.17 | | |
| 3 | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | VI.18 | 122.555.366.800 | 111.813.816.550 |
| 4 | Giá vốn hàng bán | 11 | VI.19 | 42.889.018.166 | 38.533.991.029 |
| 5 | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 79.666.348.634 | 73.279.825.521 |
| 6 | Doanh thu tài chính | 21 | VI.20 | 373.902.495 | 670.076.094 |
| 7 | Chi phí tài chính | 22 | VI.21 | 38.744.177.278 | 54.436.414.581 |
| | Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 38.744.177.278 | 54.436.414.581 |
| 8 | Chi phí bán hàng | 24 | | | |
| 9 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | 8.749.496.560 | 7.454.988.213 |
| 10 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 32.546.577.291 | 12.058.498.821 |
| 11 | Thu nhập khác | 31 | VI.22 | 52.445.252 | |
| 12 | Chi phí khác | 32 | VI.23 | 145.356.364 | 15.211.486 |
| 13 | Lợi nhuận khác | 40 | | (92.911.112) | (15.211.486) |
| 14 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | VI.25 | 32.453.666.179 | 12.043.287.335 |
| 15 | Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | | | |
| 16 | Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | | |
| 17 | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 32.453.666.179 | 12.043.287.335 |
| 18 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.28 | 1.269 | 481 |

Lập, ngày 01 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

Nguyễn Đức Anh
 Nguyễn Đức Anh

Cường
 Nguyễn Văn Cường



Nguyễn Văn Phan
 Nguyễn Văn Phan

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

| STT | CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | Năm nay | Năm trước |
|------------|---|-----------|-------------------------|-------------------------|
| I | LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD | | | |
| 1 | Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 01 | 136.332.495.090 | 120.931.339.319 |
| 2 | Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ | 02 | (9.603.549.960) | (14.302.355.101) |
| 3 | Tiền chi trả cho người lao động | 03 | (13.501.657.000) | (8.585.839.693) |
| 4 | Tiền chi trả lãi vay | 04 | (50.948.219.166) | (58.123.847.245) |
| 5 | Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp | 05 | | |
| 6 | Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | 3.060.682.343 | 512.292.636 |
| 7 | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 07 | (26.224.264.891) | (13.586.657.644) |
| | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD | 20 | 39.115.486.416 | 26.844.932.272 |
| II | LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 1 | Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | (787.099.661) | (4.748.935.455) |
| 2 | Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác | 22 | | |
| 3 | Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | |
| 4 | Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | |
| 5 | Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | |
| 6 | Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | |
| 7 | Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | |
| | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (787.099.661) | (4.748.935.455) |
| III | LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 1 | Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH | 31 | | 1.171.000.000 |
| 2 | Tiền chi trả vốn góp cho các CSH mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành | 32 | | |
| 3 | Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | 15.207.364.000 | 18.454.232.170 |
| 4 | Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | (47.492.579.000) | (42.180.204.170) |
| 5 | Tiền chi trả nợ thuê tài chính | 35 | | - |
| 6 | Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - |
| | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (32.285.215.000) | (22.554.972.000) |
| IV | LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (20+30+40) | 50 | 6.043.171.755 | (458.975.183) |
| 1 | Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | 83.522.209 | 542.497.392 |
| | Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | |
| 2 | Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61) | 70 | 6.126.693.964 | 83.522.209 |

Người lập biểu

Nguyễn Đức Anh
Nguyễn Đức Anh

Kế toán trưởng

Cường
Nguyễn Văn Cường

Lập, ngày 01 tháng 03 năm 2013

Tổng Giám Đốc

Nguyễn Văn Phan
Nguyễn Văn Phan



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần VRG - Bảo Lộc được chuyển đổi từ Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B.O.T Thủy Điện Bảo Lộc theo Quyết định số 02/TĐBL/HĐTV-QĐ ngày 15 tháng 01 năm 2008 của Hội đồng thành viên Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B.O.T Thủy Điện Bảo Lộc. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 5800345732 do phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 24/01/2008, thay đổi lần 1 ngày 05/07/2010.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Đầu tư xây dựng và kinh doanh các nhà máy thủy điện, kết hợp kinh doanh các ngành nghề khác nhằm tạo thu nhập cho các cổ đông, giải quyết việc làm, tạo thu nhập ổn định cho các cổ đông và cán bộ nhân viên của Công ty.

3. Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh thủy điện; Xây dựng các công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện. Sản xuất, khai thác vật liệu xây dựng; Chế tạo, lắp đặt cơ khí công trình, kết cấu thép xây dựng; Sửa chữa xe máy thi công. Đào tạo công nhân vận hành nhà máy thủy điện.

II- Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

- 1- Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm
- 2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III- Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng:

1- Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được quy định tại Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính và thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2- Tuyên bố việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2- Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức chứng từ ghi sổ được thực hiện trên máy vi tính.

IV- Các chính sách kế toán áp dụng

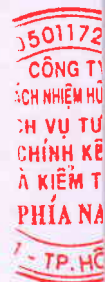
1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

- Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Trong giai đoạn sản xuất, kinh doanh, kể cả việc đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định của doanh nghiệp đang hoạt động, chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN VRG - BẢO LỘC

Địa chỉ: 263 Hoàng Văn Thụ, Phường 1, Tp. Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng

hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Cuối kỳ kế toán, doanh nghiệp phải đánh giá lại số dư tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển có gốc ngoại tệ ra “đồng Việt Nam” theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ

Các nghiệp vụ khác liên quan đến ngoại tệ sẽ được thực hiện theo Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012.

2- Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Giá mua, chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Phương pháp tính giá hàng tồn kho

Giá xuất hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

(Công ty không phát sinh dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

3- Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của tài sản cố định. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào điều kiện hoạt động như dự định. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được chuyển hoá thành tài sản cố định, còn những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và hao mòn lũy kế được khoá sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh tuân thủ theo qui định tại thông tư 203/2009/TT-BTC ban hành ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao được áp dụng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian ước tính như sau:

| <u>Loai tài sản</u> | <u>Thời gian khấu hao</u> |
|-----------------------------------|---------------------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 6 - 50 năm |
| - Máy móc thiết bị | 10 - 30 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 5 - 10 năm |
| - Thiết bị dụng cụ quản lý | 3 - 5 năm |



CÔNG TY CỔ PHẦN VRG - BẢO LỘC

Địa chỉ: 263 Hoàng Văn Thụ, Phường 1, Tp. Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng

Ngoài phương pháp khấu trừ đường thẳng Công ty áp dụng cả phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm theo Công văn hướng dẫn trích khấu hao số 526/CT-KTrT ngày 10/03/2011 của cục thuế tỉnh Lâm Đồng.

4- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “chi phí đi vay”

5- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh nhiều năm.

- Chi phí thành lập
- Chi phí trước hoạt động, chi phí chuẩn bị sản xuất;
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn phát sinh một lần quá lớn.

6- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Những khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi đó phát sinh, nếu có chênh lệch giữa số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

7- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả được lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

(Công ty không phát sinh dự phòng cho các khoản nợ phải trả)

8- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế theo quy định tại điều lệ của Công ty và các văn bản hướng dẫn của Nhà nước.

9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã chuyển giao cho người mua.



CÔNG TY CỔ PHẦN VRG - BẢO LỘC

Địa chỉ: 263 Hoàng Văn Thụ, Phường 1, Tp. Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

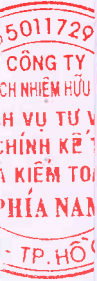
Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 2 điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.



CÔNG TY CỔ PHẦN VRG-BẢO LỘC

Địa chỉ: Số 263 Đường Hoàng Văn Thụ, Tp. Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

| 01- TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|----------------------|-------------------|
| - Tiền mặt | 119.418.152 | 68.516.313 |
| - Tiền gửi ngân hàng | 6.007.275.812 | 15.005.896 |
| + Tiền đồng Việt Nam | 6.007.223.540 | 14.953.624 |
| Ngân hàng Công Thương CN4-TP HCM | 4.501.066.909 | 1.353.610 |
| Ngân hàng ĐT&PT Bảo Lộc | 117.302.394 | 3.818.722 |
| Ngân hàng ĐT&PT Đồng Nai | 1.388.854.237 | 9.781.292 |
| + Tiền ngoại tệ | 52.272 | 52.272 |
| Ngân hàng ĐT&PT Đồng Nai | 52.272 | 52.272 |
| Cộng | 6.126.693.964 | 83.522.209 |

Ghi chú: - Số dư tiền mặt tại quỹ khớp với biên bản kiểm kê quỹ tiền mặt vào ngày 31/12/2012.

- Số dư cuối năm của tiền gửi tại các ngân hàng khớp với sổ phụ ngân hàng ngày 31/12/2012.

| 02- PHẢI THU KHÁCH HÀNG | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| - Phải thu tiền bán điện cho Tổng Công ty Điện lực Miền Nam | 11.094.604.730 | 12.616.196.340 |
| Cộng | 11.094.604.730 | 12.616.196.340 |

| 03- TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| - Cửa hàng Thái Trung | 116.000.000 | 116.000.000 |
| - Công ty CP Cơ Điện Thạch Anh | 610.000.000 | |
| - Công ty TNHH TM&DV Quốc Huy | 332.468.000 | |
| - Viện KS TK Quảng Tây (KD GXED&G-ENERGY) | 1.033.720.047 | 983.720.047 |
| - Đối tượng khác | 275.271.770 | 422.971.770 |
| Cộng | 2.367.459.817 | 1.522.691.817 |

| 04- CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| - Tiền hỗ trợ lãi suất sau đầu tư của dự án nhà máy thủy điện | 3.337.641.267 | 2.728.193.954 |
| - Các khoản khác | 211.327.426 | 186.647.426 |
| Cộng | 3.548.968.693 | 2.914.841.380 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VRG-BẢO LỘC

Địa chỉ: Số 263 Đường Hoàng Văn Thụ, Tp. Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng

05- HÀNG TỒN KHO

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|---------------------------|---------------------------|
| - Giá gốc hàng tồn kho | <u>600.249.417</u> | <u>306.742.529</u> |
| + Nguyên liệu, vật liệu tồn kho | 579.584.417 | 306.742.529 |
| + Công cụ dụng cụ | 20.665.000 | |
| - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | - | - |
| <u>Giá trị thuần có thể thực hiện được của HTK</u> | <u>600.249.417</u> | <u>306.742.529</u> |

06- TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| - Chi phí trả trước ngắn hạn | 396.416.371 | 174.287.023 |
| - Thuế GTGT được khấu trừ | 2.145.130 | |
| - Tạm ứng của nhân viên | 309.730.250 | 477.666.810 |
| Cộng | <u>708.291.751</u> | <u>651.953.833</u> |



CÔNG TY CỔ PHẦN VRG-BẢO LỘC

Địa chỉ: Số 263 Đường Hoàng Văn Thụ, Tp. Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng

07- TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| Chỉ tiêu | | Nhà cửa - Vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải | Thiết bị văn phòng | Tổng cộng |
|-------------|------------------------------------|-------------------------|------------------|---------------------|--------------------|-----------------|
| I. | Nguyên giá | | | | | |
| 1. | Số dư đầu năm | 402.280.164.671 | 134.297.598.972 | 51.746.537.039 | 107.637.144 | 588.431.937.826 |
| 2. | Số tăng trong năm | 16.500.000 | 3.304.140.993 | 16.022.727 | 53.772.727 | 3.390.436.447 |
| | - Mua trong năm | 16.500.000 | 272.962.243 | 16.022.727 | 53.772.727 | 359.257.697 |
| | - Tăng khác | | 3.031.178.750 | | | 3.031.178.750 |
| 3. | Số giảm trong năm | - | - | - | - | - |
| | - Giảm do thanh lý | | | | | - |
| | - Giảm khác | | | | | - |
| 4. | Số dư cuối năm | 402.296.664.671 | 137.601.739.965 | 51.762.559.766 | 161.409.871 | 591.822.374.273 |
| II. | Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| 1. | Số dư đầu năm | 26.128.036.283 | 11.467.473.625 | 8.714.197.141 | 51.472.530 | 46.361.179.579 |
| 2. | Số tăng trong năm | 12.606.355.412 | 6.902.675.337 | 4.155.575.880 | 22.212.403 | 23.686.819.032 |
| | - Khấu hao | 12.606.355.412 | 6.296.439.587 | 4.155.575.880 | 22.212.403 | 23.080.583.282 |
| | - Tăng khác | | 606.235.750 | | | 606.235.750 |
| 3. | Số giảm trong năm | - | - | - | - | - |
| 4. | Số dư cuối năm | 38.734.391.695 | 18.370.148.962 | 12.869.773.021 | 73.684.933 | 70.047.998.611 |
| III. | Giá trị còn lại của TSCĐ HH | | | | | |
| 1. | Tại ngày đầu năm | 376.152.128.388 | 122.830.125.347 | 43.032.339.898 | 56.164.614 | 542.070.758.247 |
| 2. | Tại ngày cuối năm | 363.562.272.976 | 119.231.591.003 | 38.892.786.745 | 87.724.938 | 521.774.375.662 |



CÔNG TY CỔ PHẦN VRG-BẢO LỘC

Địa chỉ: Số 263 Đường Hoàng Văn Thụ, Tp. Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng

08- CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|----------------------|----------------------|
| - Chi phí thi công dự án nhà máy thủy điện | 1.856.517.732 | 1.544.706.242 |
| - Chi phí hình thành tài sản cố định | 90.191.964 | |
| Cộng | 1.946.709.696 | 1.544.706.242 |

09- CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------|----------------------|----------------------|
| - Chi phí sửa chữa TSCĐ | 922.641.876 | 705.842.828 |
| - Chi phí dụng cụ quản lý | 61.617.009 | 179.703.585 |
| - Chi phí khác | 1.814.966.560 | 3.655.076.862 |
| Cộng | 2.799.225.445 | 4.540.623.275 |

10- VAY NGẮN HẠN

Chi tiết phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau

| | <u>01/01/2012</u> | <u>Số tiền vay trong năm</u> | <u>Số tiền vay đã trả trong năm</u> | <u>31/12/2012</u> |
|--------------------------------|-----------------------|----------------------------------|---|-----------------------|
| Vay ngắn hạn | 4.222.028.000 | 15.207.364.000 | 9.492.579.000 | 9.936.813.000 |
| NH BIDV - Đồng Nai | 1.722.028.000 | 10.707.364.000 | 6.992.579.000 | 5.436.813.000 |
| Quỹ TDND Phường B'La | 2.500.000.000 | | 2.500.000.000 | - |
| NH Công Thương | | 4.500.000.000 | | 4.500.000.000 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 38.000.000.000 | 38.000.000.000 | 38.000.000.000 | 38.000.000.000 |
| Cộng | 42.222.028.000 | 53.207.364.000 | 47.492.579.000 | 47.936.813.000 |

(1) Các khoản vay Ngân hàng BIDV- Chi nhánh Đồng Nai để bổ sung vốn kinh doanh có thời hạn từ 6 tháng đến 12 tháng, lãi suất 14%

(2) Khoản vay Ngân hàng Vietinbank thực hiện theo HĐ số 12.034.002/HĐTD

- Thời hạn cho vay kể từ 08/02/2012 đến ngày 31/12/2012
- Lãi suất thả nổi
- Đảm bảo khoản vay bằng bảo lãnh của Tập đoàn Cao su Việt Nam

11- PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|--------------------|-------------------|
| - Công ty CP Cavico XD Cầu Hàm | | 200.544.529 |
| - Công ty Thủy điện Đa Nhim- Hàm Thuận-Đa Mí | | 206.062.991 |
| - Công ty TV XD Điện | | 400.000.000 |
| - Công ty TNHH XD-TM Tiền Hà | 3.996.250 | 241.843.305 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VRG-BẢO LỘC

Địa chỉ: Số 263 Đường Hoàng Văn Thụ, Tp. Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng

| | | |
|-----------------------------|--------------------|----------------------|
| - DNTN XD Dân Lợi | 40.316.150 | 190.355.300 |
| - Công ty Truyền tải Điện 3 | 294.795.898 | |
| - Khác | 118.830.757 | 342.968.096 |
| Cộng | 457.939.055 | 1.581.774.221 |

12- THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------------------|--------------------|----------------------|
| - Thuế GTGT phải nộp | 386.421.897 | 2.439.070.774 |
| - Thuế tài nguyên | 194.707.394 | 684.984.978 |
| - Thuế thu nhập cá nhân phải nộp | 57.903.935 | 48.430.744 |
| Cộng | 639.033.226 | 3.172.486.496 |

13- CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| - Kinh phí công đoàn | 43.719.000 | 78.334.000 |
| - Bảo hiểm xã hội | 34.626.937 | 57.093.478 |
| - Bảo hiểm y tế | 9.121.482 | 12.591.008 |
| - Bảo hiểm thất nghiệp | 4.036.900 | 8.687.646 |
| - Dịch vụ môi trường rừng | 765.874.000 | 1.929.272.000 |
| - Phải trả Khối lượng Thiết bị mua của Trung Quốc | 11.950.371.750 | 11.950.371.750 |
| - Chi phí đền bù NM TĐBL | 36.476.321 | 36.476.321 |
| - Khác | 98.103.352 | 263.927.087 |
| Cộng | 12.942.329.742 | 14.336.753.285 |

14- VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Chi tiết phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn như sau

| | 01/01/2012 | Số tiền vay trong năm | Số tiền vay giảm trong năm | 31/12/2012 |
|--------------------------------------|------------------------|--------------------------|-------------------------------|------------------------|
| NH BIDV - Đồng Nai | 222.032.257.333 | | 36.000.000.000 | 186.032.257.333 |
| Công ty Tài chính Cao su Việt Nam | 6.952.000.000 | | 2.000.000.000 | 4.952.000.000 |
| Cộng | 228.984.257.333 | - | 38.000.000.000 | 190.984.257.333 |

(1) Khoản vay dài hạn theo hợp đồng số 01/2005/HĐTD ngày 26/01/2005 và phụ lục hợp đồng tài trợ số 01B/2005/PLHĐ-ĐTT ngày 10/9/2009 do chi nhánh Ngân hàng BIDV Đồng Nai làm đầu mối và các ngân hàng khác cùng tài trợ: Chi nhánh Ngân hàng BIDV Đồng Nai, Chi nhánh Ngân hàng BIDV Lâm Đồng, Chi nhánh Ngân hàng BIDV Sài Gòn, Ngân hàng Agribank Đắk Nông và Chi nhánh Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Bắc Ninh

CÔNG TY CỔ PHẦN VRG-BẢO LỘC

Địa chỉ: Số 263 Đường Hoàng Văn Thụ, Tp. Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng

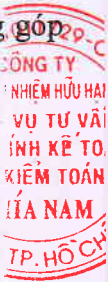
Thời hạn cho vay là 144 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (năm 2005), thời gian ân hạn là 36 tháng và thời gian trả nợ là 108 tháng sau khi kết thúc thời gian ân hạn

Lãi suất được thả nổi và bằng lãi suất tham chiếu 2,55% năm.

Tài sản thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay bao gồm:

- Giá trị quyền sử dụng đất của khu đất dùng để xây dựng toàn bộ công trình và các công trình phụ của nhà máy thủy điện Bảo Lộc
- Toàn bộ công trình và các công trình phụ trên đất của nhà máy Thủy điện Bảo Lộc sau khi hoàn thành
- Toàn bộ tài sản đi cùng với nhà máy Thủy điện Bảo Lộc và các công trình phụ
- Các tài khoản tiền phục vụ cho việc thực hiện dự án của bên vay tại các bên cho vay khác

(2) Khoản vay trung hạn Công ty Tài chính Cao su Việt Nam theo HĐ số 03/11/TH-TD ngày 26/9/2011 có thời hạn vay 5 năm, lãi suất 12%/năm, đảm bảo cho khoản vay là bảo lãnh của các cổ đông góp vốn.



CÔNG TY CỔ PHẦN VRG-BẢO LỘC

Địa chỉ: Số 263 Đường Hoàng Văn Thụ, Tp. Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng

15- VỐN CHỦ SỞ HỮU**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Vốn góp | Thặng dư vốn cổ phần | Chênh lệch tỷ giá | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ dự phòng tài chính | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối |
|-----------------------------|------------------------|---------------------------------|------------------------------|----------------------------------|-----------------------------------|--|
| A | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| Số dư đầu năm trước | 249.903.000.000 | 139.000.000 | 315.566.916 | | | 483.843.469 |
| Tăng vốn trong năm trước | 1.080.000.000 | 91.000.000 | | | | |
| Lãi trong năm trước | | | | | | 12.043.287.335 |
| Tăng khác | | | | | | |
| Giảm vốn trong năm trước | | | | | | |
| Lỗ trong năm trước | | | | | | |
| Giảm khác | | | 157.783.458 | | | |
| Số dư cuối năm trước | 250.983.000.000 | 230.000.000 | 157.783.458 | - | - | 12.527.130.804 |
| Số dư đầu năm này | 250.983.000.000 | 230.000.000 | 157.783.458 | - | - | 12.527.130.804 |
| Tăng vốn trong năm này | 9.230.000.000 | | | | | |
| Lãi trong năm này | | | | | | 32.453.666.179 |
| Tăng khác | | | | 511.250.000 | 204.500.000 | |
| Giảm vốn trong năm này | | | | | | |
| Lỗ trong năm này | | | | | | |
| Giảm khác (*) | | | 157.783.458 | | | 10.150.250.000 |
| Số dư cuối năm này | 260.213.000.000 | 230.000.000 | - | 511.250.000 | 204.500.000 | 34.830.546.983 |

Ghi chú: (*) Lợi nhuận phân phối trong năm là 10.150.250.000 đồng, chi tiết phân phối lợi nhuận xem tại mục 27 phần thuyết minh báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VRG-BẢO LỘC

Địa chỉ: Số 263 Đường Hoàng Văn Thụ, Tp. Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng

| b. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------------------|------------------------|
| - Vốn góp của các cổ đông | 260.213.000.000 | 250.983.000.000 |
| Cộng vốn đầu tư của chủ sở hữu | 260.213.000.000 | 250.983.000.000 |

| c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận, chia cổ tức | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------------|------------------|
| - Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |
| + Vốn góp đầu năm | 250.983.000.000 | 249.903.000.000 |
| + Vốn góp tăng trong năm | 9.230.000.000 | 1.080.000.000 |
| + Vốn góp giảm trong năm | | - |
| + Vốn góp cuối năm | 260.213.000.000 | 250.983.000.000 |
| - Cổ tức lợi nhuận đã chia | 9.230.000.000 | |
| Trong đó: | | |
| - Chia cổ tức bằng cổ phiếu để tăng vốn điều lệ | 9.230.000.000 | |

| d. Cổ phiếu | Năm nay | Năm trước |
|--|----------------|------------------|
| - Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 26.021.300 | 25.098.300 |
| - Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 26.021.300 | 25.098.300 |
| + Cổ phiếu phổ thông | 26.021.300 | 25.098.300 |
| + Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| - Số lượng cổ phiếu mua lại | - | - |
| + Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| + Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 26.021.300 | 25.098.300 |
| + Cổ phiếu phổ thông | 26.021.300 | 25.098.300 |
| + Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ/cp (Mười ngàn đồng / cổ phiếu).

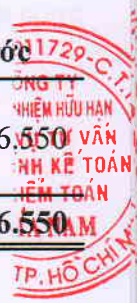
| e. Các quỹ của doanh nghiệp | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------------------------------|--------------------|-------------------|
| - Quỹ đầu tư phát triển | 511.250.000 | |
| - Quỹ dự phòng tài chính | 204.500.000 | |
| Cộng | 715.750.000 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN VRG-BẢO LỘC

Địa chỉ: Số 263 Đường Hoàng Văn Thụ, Tp. Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng

VI- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

| 16- DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ | Năm nay | Năm trước |
|---|------------------------|------------------------|
| - Doanh thu bán hàng và dịch vụ | 122.555.366.800 | 111.813.816.550 |
| Cộng | 122.555.366.800 | 111.813.816.550 |
| 17- CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU | Năm nay | Năm trước |
| - Chiết khấu thương mại | | |
| - Hàng bán bị trả lại | | |
| - Thuế tiêu thụ đặc biệt | | |
| Cộng | - | - |
| 18- DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CCDV | Năm nay | Năm trước |
| - Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ | 122.555.366.800 | 111.813.816.550 |
| Cộng | 122.555.366.800 | 111.813.816.550 |
| 19- GIÁ VỐN HÀNG BÁN | Năm nay | Năm trước |
| - Giá vốn hàng bán và dịch vụ | 42.889.018.166 | 38.533.991.029 |
| Cộng | 42.889.018.166 | 38.533.991.029 |
| 20- DOANH THU TÀI CHÍNH | Năm nay | Năm trước |
| - Lãi tiền gửi ngân hàng | 216.119.037 | 512.292.636 |
| - Lãi chênh lệch tỷ giá | 157.783.458 | 157.783.458 |
| Cộng | 373.902.495 | 670.076.094 |
| 21- CHI PHÍ TÀI CHÍNH | Năm nay | Năm trước |
| - Lãi tiền vay | 38.744.177.278 | 54.436.414.581 |
| Cộng | 38.744.177.278 | 54.436.414.581 |



CÔNG TY CỔ PHẦN VRG-BẢO LỘC

Địa chỉ: Số 263 Đường Hoàng Văn Thụ, Tp. Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng

22- THU NHẬP KHÁC

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------------|-------------------|------------------|
| - Thu về bồi thường bảo hiểm | 52.445.252 | |
| Cộng | 52.445.252 | - |

23- CHI PHÍ KHÁC

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--------------------------------------|--------------------|-------------------|
| - Chi phí xử lý sạt lở kênh dẫn nước | 145.356.364 | |
| - Chi phí khác | | 15.211.486 |
| Cộng | 145.356.364 | 15.211.486 |

24- BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty chỉ có duy nhất một nhà máy nằm tại xã Ninh Hòa, Huyện Duy Linh, tỉnh Lâm Đồng và chỉ thực hiện một chức năng duy nhất là sản xuất điện. Toàn bộ doanh thu của công ty là từ bán điện cho Tổng công ty Điện lực Miền Nam TNHH

25- THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRONG NĂM

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế, do đó số thuế trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo Quyết định của Cơ quan thuế khi thực hiện việc quyết toán thuế.



| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------------|-----------------------|
| - Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 32.453.666.179 | 12.043.287.335 |
| - Các khoản điều chỉnh Tăng hoặc Giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN | | |
| + Các khoản điều chỉnh Tăng | 462.457.737 | 2.465.823.710 |
| * Chi phí không được trừ | 462.457.737 | 2.465.823.710 |
| + Các khoản điều chỉnh Giảm | - | - |
| * Cổ tức được chia | | |
| - Tổng thu nhập chịu thuế | 32.916.123.916 | 14.509.111.045 |
| - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | - | - |
| - Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 32.453.666.179 | 12.043.287.335 |

Theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án nhà máy thủy điện: Thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi đưa vào khai thác, miễn thuế trong thời gian 4 năm và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN VRG-BẢO LỘC

Địa chỉ: Số 263 Đường Hoàng Văn Thụ, Tp. Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng

26- CHI PHÍ THEO YẾU TỐ

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| - Chi phí nguyên vật liệu | 4.351.579.322 | |
| - Chi phí nhân công | 13.122.797.788 | 6.185.688.454 |
| - Chi phí khấu hao TSCĐ | 23.080.583.282 | 22.580.730.193 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 854.699.561 | 786.958.700 |
| - Chi phí khác bằng tiền | 10.229.800.491 | 9.037.356.954 |
| Cộng | 51.639.460.444 | 38.590.734.301 |

27- PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2012

| | |
|---|----------------|
| - Lợi nhuận còn lại đầu năm | 12.527.130.804 |
| - Lợi nhuận kinh doanh năm 2012 | 32.453.666.179 |
| - Các khoản phân phối | 10.150.250.000 |
| + Trích quỹ Đầu tư phát triển (*) | 511.250.000 |
| + Trích quỹ Dự phòng tài chính (*) | 204.500.000 |
| + Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi (*) | 204.500.000 |
| + Tăng vốn từ lợi nhuận sau thuế (*) | 9.230.000.000 |
| - Lợi nhuận còn lại đến ngày 31/12/2012 | 34.830.546.983 |

Ghi chú: (*) Lợi nhuận sau thuế được phân phối theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/05/2012

28- LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|----------------|------------------|
| - Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 32.453.666.179 | 12.043.287.335 |
| - Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 25.573.708 | 25.044.744 |
| - Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 1.269 | 481 |

29- CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn của Tập đoàn Cao su Việt Nam và các cổ đông khác

Các chính sách kế toán chủ yếu

Các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số IV.

CÔNG TY CỔ PHẦN VRG-BẢO LỘC

Địa chỉ: Số 263 Đường Hoàng Văn Thụ, Tp. Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng

Các loại công cụ tài chính

| Tài sản tài chính | Giá trị ghi sổ | |
|--|------------------------|------------------------|
| | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 6.126.693.964 | 83.522.209 |
| Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác | 17.011.033.240 | 17.053.729.537 |
| Đầu tư dài hạn | - | - |
| Tài sản tài chính khác | 309.730.260 | 477.666.810 |
| Tổng cộng | 23.447.457.464 | 17.614.918.556 |
| Công nợ tài chính | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
| Các khoản vay | 238.921.070.333 | 271.206.285.333 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 13.400.268.797 | 15.918.527.506 |
| Chi phí phải trả | 13.125.000 | 8.984.302.439 |
| Tổng cộng | 252.334.464.130 | 296.109.115.278 |

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày lập báo cáo do Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về đánh giá hàng hóa), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá hàng hóa. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không có các giao dịch ngoại tệ nên Ban giám đốc tin tưởng rủi ro tỷ giá là không có.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Công ty không có đầu tư vào các công cụ vốn nên Ban giám đốc tin tưởng không có rủi ro

CÔNG TY CỔ PHẦN VRG-BẢO LỘC

Địa chỉ: Số 263 Đường Hoàng Văn Thụ, Tp. Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho công ty. Công ty có các chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, do đó công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát. Chính sách của công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận.

| | Dưới 1 năm | Trên 1 năm | Tổng cộng |
|-------------------------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|
| 31/12/2012 | | | |
| Các khoản vay | 47.936.813.000 | 190.984.257.333 | 238.921.070.333 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 13.400.268.797 | - | 13.400.268.797 |
| Chi phí phải trả | 13.125.000 | - | 13.125.000 |
| Tổng cộng | 61.350.206.797 | | 252.334.464.130 |
| 31/12/2011 | | | |
| Các khoản vay | 42.222.028.000 | 228.984.257.333 | 271.206.285.333 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 15.918.527.506 | - | 15.918.527.506 |
| Chi phí phải trả | 8.984.302.439 | - | 8.984.302.439 |
| Tổng cộng | 67.124.857.945 | 228.984.257.333 | 296.109.115.278 |

Ban giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp và tin tưởng rằng công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có.

CÔNG TY CỔ PHẦN VRG-BẢO LỘC

Địa chỉ: Số 263 Đường Hoàng Văn Thụ, Tp. Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng

| 31/12/2012 | Dưới 1 năm | Trên 1 năm | Tổng cộng |
|--------------------------------------|-----------------------|------------|-----------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 6.126.693.964 | - | 6.126.693.964 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 17.011.033.240 | - | 17.011.033.240 |
| Đầu tư dài hạn | - | - | - |
| Tài sản tài chính khác | 309.730.260 | - | 309.730.260 |
| Tổng cộng | 23.447.457.464 | | 23.447.457.464 |

| 31/12/2011 | Dưới 1 năm | Trên 1 năm | Tổng cộng |
|--------------------------------------|-----------------------|------------|-----------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 83.522.209 | - | 83.522.209 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 17.053.729.537 | - | 17.053.729.537 |
| Đầu tư dài hạn | - | - | - |
| Tài sản tài chính khác | 477.666.810 | - | 477.666.810 |
| Tổng cộng | 17.614.918.556 | | 17.614.918.556 |

30- THÔNG TIN CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị và các cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

Bên liên quan**Mối quan hệ**

Công ty Tài chính Cao su Việt Nam

Công ty thành viên thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (sở hữu đa số vốn chủ sở hữu tại Công ty)

Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban Kiểm soát

Thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các bên có liên quan trong năm như sau

| Bên liên quan/Nội dung giao dịch | Số tiền |
|---|---------------|
| Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát | |
| Lương | 982.465.000 |
| Thù lao trong năm | 168.000.000 |
| Công ty Tài chính Cao su Việt Nam | |
| Trả nợ gốc vay | 2.000.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VRG-BẢO LỘC

Địa chỉ: Số 263 Đường Hoàng Văn Thụ, Tp. Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ giữa Công ty với các bên có liên quan

| <u>Bên liên quan/Công nợ</u> | <u>Số tiền</u> |
|-----------------------------------|----------------|
| Công ty Tài chính Cao su Việt Nam | |
| Vay vốn trung hạn | 6.952.000.000 |

31- SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính là số liệu của năm tài chính 2011 kết thúc tại ngày 31/12/2011. Số liệu này đã được thực hiện kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán FAC.

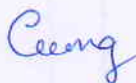
Lập, ngày 01 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu



Nguyễn Đức Anh

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Cường

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Văn Phan

